

GIẢI PHÁP CHO ĐÀO TẠO CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ ĐẦU TƯ THEO ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT HUNG YÊN

Nguyễn Quốc Tuấn - Vũ Thị Huyền
Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên

Ngày nhận bài: 19/03/2018; ngày sửa chữa: 06/04/2018; ngày duyệt đăng: 10/04/2018.

Abstract: For developing countries (including Vietnam), high quality human resource is considered the determining factor in economic development in the context of integration and globalization. This is also the basic factor of sustainable growth. Therefore, investment for education and training is the main orientation of investment and requires qualified staff of investment economics to meet demands of the country. In this paper, authors propose solutions for training the bachelor degree in Applied Investment Economics at Hung Yen University of Technology and Education.

Keywords: Training, Applied Investment Economics.

1. Mở đầu

Sau 30 năm mở cửa và đổi mới nền kinh tế, sự giao lưu, liên kết kinh tế thế giới với Việt Nam ngày càng phát triển, cùng với việc tham gia Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC), WTO, AFTA. Năm 2015 Nước ta đã ký chính thức Hiệp định Thương mại tự do (FTA) giữa Việt Nam và Liên minh Kinh tế Á - Âu, Ngày 05/10/2015 tại Atlanta, Hoa Kỳ, tiến trình đàm phán Hiệp định Đối tác Kinh tế Chiến lược xuyên Thái Bình Dương TPP đã kết thúc thành công. Để phát triển mối quan hệ kinh tế Việt Nam với thế giới và khu vực thực sự phát triển, đòi hỏi nước ta phải tập trung và phát huy mọi nguồn lực mà trước hết là nguồn nhân lực có kiến thức kinh tế để đáp ứng được yêu cầu cho giai đoạn mới của đất nước.

Đào tạo cử nhân chuyên ngành Kinh tế đầu tư (KTĐT) theo định hướng ứng dụng là SV được cung cấp kiến thức về khung pháp lý về đầu tư, hệ thống chuẩn mực đầu tư của Việt Nam qua **Luật Đầu tư** và các chính sách, chiến lược đầu tư quốc tế; các quy định về đạo đức nghề nghiệp của cán bộ chuyên ngành đầu tư, các công tác hoạch định, tổ chức, điều hành, kiểm tra giám sát và xử lý trong hoạt động đầu tư nhất là đầu tư xây dựng, tài chính, chứng khoán, theo chương trình đào tạo được xây dựng với lượng kiến thức lý thuyết gắn liền với thực hành, thực tập một cách hợp lý. Đặc biệt là tăng thời lượng học tập, trải nghiệm tại doanh nghiệp của SV, tạo nhiều cơ hội để SV được rèn luyện các kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp, tham gia các dự án, ... nhằm giúp cho SV tiếp cận với thực tế công việc nhiều nhất, tăng cường kỹ năng công việc cho SV, từ đó SV ra trường thích ứng tốt nhất với công việc thực tế mà nhu cầu của thị trường lao động chất lượng cao đòi hỏi.

Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật (ĐHSPKT) Hưng Yên có đầy đủ lực lượng đội ngũ giảng viên (GV) và cơ sở vật chất để đào tạo đội ngũ nhân lực có trình độ đại học chuyên ngành kinh tế đầu tư (KTĐT) được trang bị những kiến thức, kỹ năng phù hợp cung cấp cho thị trường lao động chất lượng cao đáp ứng nhu cầu thực tế đòi hỏi của các tổ chức. Chương trình đào tạo của Nhà trường đã được xây dựng được Bộ GD-ĐT phê duyệt Quyết định số 3011 ngày 25/08/2016 cho Trường ĐHSPTK Hưng Yên đào tạo cử nhân đại học ngành Kinh tế, chuyên ngành KTĐT. Tuy nhiên, để đào tạo cử nhân chuyên ngành KTĐT trình độ đại học theo định hướng ứng dụng đòi hỏi phải có sự nghiên cứu khoa học gắn với thực tế vị trí của người thực hiện quản lý đầu tư hiện nay. Để có đội ngũ nhân lực có trình độ đại học chuyên ngành KTĐT được trang bị những kiến thức, kỹ năng phù hợp cung cấp cho thị trường lao động chất lượng cao đáp ứng nhu cầu thực tế đòi hỏi của các tổ chức, nâng cao vị thế cho Trường ĐHSPTK Hưng Yên cần có những giải pháp cụ thể nhằm thực hiện một cách tốt nhất công tác đào tạo chuyên ngành này.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực đào tạo trình độ đại học chuyên ngành Kinh tế Đầu tư của một số trường đại học

2.1.1. Chương trình đào tạo Kinh tế Đầu tư của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

Được xây dựng với 130 tín chỉ không kể giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng với 62 môn học cả bắt buộc và tự chọn. Trong đó kiến thức giáo dục đại cương là 44 tín chỉ và giáo dục chuyên nghiệp là 86 tín chỉ. Kiến thức chuyên

ngành là 28 tín chỉ với 9 môn bắt buộc và 9 môn tự chọn. Chương trình đào tạo của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân đã bố trí tương đối hợp lý các học phần tập trung cho chuyên ngành đào tạo. Xong một số học phần được bố trí vào chương trình mang định hướng nghiên cứu không phù hợp với chương trình đại học định hướng ứng dụng.

2.1.2. Chương trình đào tạo Kinh tế Đầu tư của Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng

Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng xây dựng chương trình với 120 tín chỉ chính với 46 môn học cả bắt buộc và tự chọn. Kiến thức giáo dục đại cương là 37 tín chỉ và 83 tín chỉ kiến thức giáo dục chuyên nghiệp. Như vậy chương trình của Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng bố trí khối lượng kiến thức tối thiểu theo yêu cầu của Bộ GD-ĐT số học phần tự chọn còn ít chỉ có 28 tín chỉ trong khi yêu cầu của Bộ là từ 40-60 tín chỉ

2.1.3. Chương trình đào tạo Kinh tế Đầu tư tài chính của Học viện Tài chính

Học viện Tài chính có chương trình đào tạo KTĐT Tài chính với 129 tín chỉ, trong đó có kiến thức giáo dục đại cương là 36 tín chỉ và kiến thức giáo dục chuyên nghiệp là 83 tín chỉ với 62 học phần. Chương trình của Học viện Tài chính bố trí tương đối phù hợp với kiến thức chuyên ngành là 12 tín chỉ bắt buộc có tự chọn là 02 học phần chọn lấy 01 học phần 02 tín chỉ. Chương trình này tập trung tương đối lớn khối lượng kiến thức ở phần hỗ trợ với 20 tín chỉ trong đó 05 học phần 12 tín chỉ là bắt buộc và 13 học phần tự chọn lấy 8 tín chỉ đảm bảo tính chất lựa chọn định hướng nghề nghiệp cho người học trong việc xác định nghề nghiệp khi ra trường. Song, việc bố trí các học phần tập trung chủ yếu vào chuyên ngành đầu tư tài chính cũng là điểm yếu cho người học trong việc tăng cơ hội việc làm.

2.1.4. Chương trình đào tạo Kinh tế kế hoạch và đầu tư của Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh

Chương trình khung của Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh được bố trí 126 tín chỉ trong đó có 37 tín chỉ kiến thức giáo dục đại cương và 89 tín chỉ kiến thức giáo dục chuyên nghiệp với 46 môn học. Chương trình này được bố trí 22 tín chỉ kiến thức chuyên ngành với 8 học phần bắt buộc và 02 học phần tự chọn, với số lượng tự chọn ít chương trình tập trung chủ yếu đào tạo vào công tác kế hoạch đầu tư mang định hướng nghiên cứu thu hẹp cơ hội việc làm cho người học.

Nhận xét, các chương trình khung của các trường đại học tham khảo nhìn chung đã đảm bảo những yêu cầu cơ bản của Bộ GD-ĐT, các môn học đã lựa chọn phù hợp

với mục tiêu mà chương trình đào tạo đề ra nhằm định hướng đến người học, song vẫn còn mang nặng tính nghiên cứu. Để có một chương trình KTĐT mang định hướng ứng dụng cần có sự nghiên cứu nghiêm túc để đào tạo nguồn nhân lực KTĐT chất lượng cao phù hợp với nhu cầu của thị trường.

2.2. Bài học đối với xây dựng chương trình đào tạo chuyên ngành Kinh tế Đầu tư của Khoa Kinh tế, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên

Qua nghiên cứu đối với chương trình đào tạo của các trường đại học trong nước và nước ngoài, có thể đúc kết cho xây dựng chương trình đào tạo chuyên ngành KTĐT một số bài học cụ thể:

- Xác định mục tiêu của chương trình đào tạo rõ ràng, phù hợp với sứ mệnh và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại **Luật Giáo dục đại học** và theo định hướng trường đại học của trường.

- Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo.

- Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật với đầy đủ các dữ liệu theo quy định của Bộ GD-ĐT.

- Cấu trúc nội dung chương trình đào tạo và của mỗi học phần phù hợp với chuẩn đầu ra.

- Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai kịp thời tới người học.

- Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên đảm bảo về năng lực, chuyên môn

- Bố trí chương trình đào tạo đảm bảo quy định về số lượng kiến thức xấp xỉ 130 tín chỉ là phù hợp, các học phần kiến thức giáo dục đại cương và kiến thức giáo dục chuyên nghiệp theo tỉ lệ 40/90 tùy theo sự điều chỉnh chương trình cho phù hợp.

- Các học phần cần tập trung vào định hướng của trường, bố trí các học phần mang tính ứng dụng nhiều hơn đối với các trường đại học theo định hướng ứng dụng. cần tăng số học phần tự chọn nhằm tạo cơ hội việc làm trong tương lai đối với nhu cầu đa dạng của thị trường lao động.

Khảo sát nhu cầu từ các tổ chức có nhu cầu nhân lực KTĐT, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Nhà trường, Khoa Kinh tế đã xây dựng chương trình cụ thể như sau (xem *bảng*):

Bảng. Chương trình đào tạo chuyên ngành KTĐT

KHỐI KIẾN THỨC	SỐ TÍN CHỈ
Kiến thức giáo dục đại cương	40 (5)
Kiến thức chung (Lí luận chính trị, Ngoại ngữ...)	17
Kiến thức Toán và Khoa học tự nhiên hoặc Khoa học xã hội và Nhân văn:	23
+ Bắt buộc	23
+ Tự chọn	0
Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	90 (29)
- Kiến thức cơ sở của khối ngành, nhóm ngành và ngành:	24 (9)
+ <i>Bắt buộc</i>	12
+ <i>Tự chọn</i>	12
- Kiến thức ngành:	25 (7)
+ <i>Bắt buộc</i>	21
+ <i>Tự chọn</i>	4
- Kiến thức chuyên ngành:	30 (7)
+ <i>Bắt buộc</i>	26
+ <i>Tự chọn</i>	4
- Kiến thức nghiệp vụ sư phạm	0
- Kiến thức bổ trợ	0
- Thực tập nghề nghiệp	(6)
- Đồ án/khóa luận tốt nghiệp	5
Tổng khối lượng	130 (34)

(Trong ngoặc là số tín chỉ thực hành)

Với tổng số lượng kiến thức trang bị trong 4 năm là 130 tín chỉ trong đó có 34 tín chỉ thực hành. Ngoài các kiến thức về Giáo dục đại cương theo quy định bắt buộc của Bộ GD-ĐT, Chương trình đào tạo đã xây dựng trang bị cho người học những kiến thức cụ thể về KTĐT và khả năng tư duy khoa học các vấn đề của đầu tư như: KTĐT; Lập dự án đầu tư; Quản lý dự án đầu tư; Phân tích đầu tư; Quản trị rủi ro trong đầu tư; Đầu thầu trong đầu tư; Luật Đầu tư; Phân tích đầu tư; Thẩm định dự án; Đầu tư tài chính; Chứng khoán...

Có thể nói, chương trình đào tạo đã được nghiên cứu theo định hướng ứng dụng bằng việc tăng cường lượng kiến thức thực hành thực tập, giúp cho SV khi ra trường được trang bị một lượng kiến thức thực tế có thể thực hiện các công việc của người thực hiện các công tác quản lý đầu tư của các tổ chức.

2.3. Giải pháp đào tạo chuyên ngành Kinh tế Đầu tư theo định hướng ứng dụng

Để đạt được mục tiêu đào tạo đội ngũ cử nhân KTĐT có đầy đủ kiến thức và kỹ năng đáp ứng nhu cầu đòi hỏi của thị trường lao động chất lượng cao cần thực hiện một số giải pháp nhằm thực hiện tốt công tác đào tạo chuyên ngành KTĐT trình độ đại học theo định hướng ứng dụng.

2.3.1. Chuyên ngành Kinh tế Đầu tư trang bị kiến thức chuyên môn về Kinh tế Đầu tư theo định hướng ứng dụng

Thứ nhất, Xây dựng chương trình đào tạo chuyên ngành KTĐT phải đảm bảo SV khi ra trường có năng lực và kiến thức thực tế để tham gia phân tích, hoạch định, thực thi, thẩm định, quản lý các chính sách, dự án đầu tư, chương trình dự án đầu tư trong và ngoài nước trong các lĩnh vực phát triển KT-XH trên phạm vi quốc gia, vùng lãnh thổ, địa phương và trong các tổ chức KT-XH.

Thứ hai, Chương trình đào tạo ngoài các môn học đảm bảo về trình độ nhận thức lí luận chính trị, thể chất, quốc phòng, ngoại ngữ và tin học, đối với các khoa học chuyên ngành đòi hỏi phải xây dựng theo mục tiêu của chương trình đại học ứng dụng. Bố trí các môn học chuyên ngành phải đảm bảo song hành giữa lí thuyết với ứng dụng thực tiễn, cần bố trí khối lượng thời gian tiếp cận thực tiễn phù hợp nhằm tận dụng các khả năng cho SV có được tư duy công việc, trải nghiệm thực tế, nhanh chóng tiếp cận với thực tế riêng biệt của các đơn vị tuyển dụng. Theo đó chương trình đào tạo phải được xây dựng sao cho vừa đảm bảo yêu cầu về mặt pháp lí, đồng thời đảm bảo các yêu cầu về thời gian thực hành, thực tế, giúp SV tiếp cận với các tổ chức, đảm bảo gắn kết học đi đôi với hành.

2.3.2. Yêu cầu đối với giảng viên

Ngoài những tiêu chuẩn của một GV như phải có bằng cấp, trải qua thi tuyển, sát hạch của trường, GV cần phải nắm chắc nội dung và yêu cầu môn mình giảng, từ đó có các bài giảng, kế hoạch học tập phù hợp. Phải có trình độ sư phạm nhất định để có thể đứng lớp, bao quát điều khiển hoạt động lớp học, xử lý các tình huống, và đặc biệt có phương pháp truyền thụ kiến thức để SV hiểu bài, yêu thích môn học. Điều quan trọng đối với GV là phải có trình độ thực tế, biết gắn thực tế vào bài giảng. Hiện nay một số GV có thể về lí thuyết nắm rất chắc xong lại thiếu thực tế bởi từ khi ra trường chưa kinh qua công tác trực tiếp dẫn đến xa rời thực tế. Vì vậy, đòi hỏi GV phải có thời gian đi thực tế, khi giao nhiệm vụ giảng dạy một học phần nhất là đối với các học phần chuyên ngành thì GV không những nắm vững lí thuyết của các học phần đó mà phải am hiểu kiến thức thực tế tại các tổ chức, từ đó mới có những bài giảng sinh động, giúp SV hiểu tốt hơn những kiến thức mà GV truyền đạt, hướng dẫn SV tự tiếp xúc với thực tế tạo điều kiện xác định mục tiêu việc làm trong tương lai.

Đối với công tác thi và kiểm tra, phải phản ánh được trình độ, năng lực của SV, điều quan trọng là đề thi và kiểm tra phải thể hiện được kiến thức thực tế qua bài viết, nghĩa là đề thi và kiểm tra nhất thiết phải có ví dụ minh họa thực tế để nắm bắt được trình độ gắn lí thuyết với thực tế của SV. Cần nhất là việc chuẩn bị và tổ chức tốt cho các bài tiểu luận, thảo luận theo nhóm giúp SV phải tư duy và tìm hiểu thực tế, nâng cao khả năng tự chủ trong công việc, tăng cường mối giao tiếp giữa GV-SV.

GV luôn xác định có một trách nhiệm, một cảm hứng trước SV, luôn khát khao cái mới mà mình đôi lúc không đáp ứng được, khi giảng, hãy cố gắng truyền cho học viên lửa của người thầy, nó sẽ cho thấy kết quả khi dạy xong vẫn còn cảm xúc vì đã mang lại cho SV cái mới, thiết thực và kiến thức thực tế. Muốn vậy, GV phải chuẩn bị kĩ bài giảng, nhất là lựa chọn bài tập, ví dụ minh họa thực tế chọn lọc làm rõ nét bài giảng của mình. Ngoài nhiệt tình, GV có trách nhiệm lớn là dẫn dắt SV, không phải chỉ vào lớp làm duy nhất một nhiệm vụ truyền đạt kiến thức cho SV mà còn phải hướng dẫn cách học tập, nghiên cứu, tiếp xúc với thực tế...

2.3.3. Yêu cầu đối với sinh viên chuyên ngành Kinh tế đầu tư

Xác định đúng động cơ học tập mà trước hết phải xác định đúng mục tiêu học tập. Việc xác định đúng mục tiêu giúp SV xây dựng được kế hoạch, quy tắc học tập một cách nghiêm túc. Thực hiện các yêu cầu từ nhà trường, GV bộ môn và có kế hoạch công tác tìm hiểu thực tế. Có kế hoạch học bổ sung các môn khác phục vụ cho công việc tương lai như ngoại ngữ, tin học, kĩ năng làm việc nhóm, kĩ năng sống... Giúp SV sẽ có thái độ, hành vi thích hợp trong giảng đường và xã hội, có phương pháp

tiếp thu bài giảng gắn với thực tế. Tự giác xây dựng cho mình kế hoạch tìm hiểu, tiếp cận thực tế từ đó có ý thức học hỏi, tạo sự đam mê, tránh được tư tưởng chán nản khi thấy khối lượng kiến thức các môn học quá lớn.

SV cần xây dựng phương pháp học tập phù hợp môi trường đại học là tự chủ sáng tạo. SV cần đọc trước tài liệu của GV đưa ra, nắm vững, tham khảo tài liệu khác để bổ sung cho kiến thức chính của học phần, nắm chắc bản chất và tầm nhìn của môn học, Khi có tầm nhìn sẽ không học theo cách đọc chép thiếu thảo luận, phản biện, cần phải đặt ra các câu hỏi và trả lời các câu hỏi đó gắn với thực tế để đi đến kết luận. Điều quan trọng nhất là mạnh dạn trao đổi với GV những vấn đề mình chưa hiểu để bổ sung đầy đủ nhận thức cho bản thân. Phương pháp học đại học là tự giác GV không kiểm tra hàng ngày, do vậy, SV để chệnh mảng việc học tập mà sa đà vào các cám dỗ đời thường như ca nhạc, thời trang, games, facebook... Xây dựng cho mình một nguyên tắc cơ bản là làm việc lấy thời khóa biểu là kế hoạch, giờ nào việc đó. Lên lớp, tập trung chú ý nghe giảng, ghi chép nhanh, gọn các ý chính, đánh dấu chỗ chưa hiểu hoặc khó hiểu để về nhà nghiên cứu bổ sung. Tích cực tham gia làm việc theo nhóm, thảo luận nhóm để lấy ý kiến chung, giám sát sai sót, giúp SV nhút nhát trở nên mạnh dạn, gắn bó với tập thể, siêng năng hơn. Mỗi SV có những nhận thức và thực tế khác nhau, khi cùng tham gia làm việc theo nhóm sẽ bổ sung kiến thức cho nhau và bản thân từng SV cũng sẽ thu được cách nhìn tổng thể về vấn đề tham gia, làm việc nhóm có hiệu quả cũng cần phải có sự tư vấn của GV có kinh nghiệm chắc chắn sẽ có hiệu quả hơn.

Mỗi môn học chuyên ngành KTĐT đề cập tới một lĩnh vực riêng trong tổng thể các công tác đầu tư. Chương trình đào tạo đại học trang bị cho SV kiến thức của các lĩnh vực, giúp cho SV khi ra trường tiếp cận với bất cứ công việc nào cũng đều có tư duy về công việc đó. Tự tìm hiểu thực tế gắn với bài giảng sẽ giúp cho SV tiếp cận và thông thạo với tất cả các lĩnh vực của nhân viên trong hoạt động đầu tư, giúp SV định hướng được vấn đề trọng tâm công việc mà mình sẽ làm khi ra trường, từ đó đầu tư thời gian vào lí thuyết và thực tế công việc mà mình đã xác định, khi ra trường SV sẽ dễ dàng thực hiện được các yêu cầu của nhà tuyển dụng khi đã có kiến thức, thực tế về công việc mà nhà tuyển dụng yêu cầu.

2.3.4. Tăng cường mối quan hệ giữa nhà trường - doanh nghiệp duy trì phối hợp thường xuyên

Hiện nay, tại nhiều trường đại học đều có những cán bộ phụ trách công tác “Hợp tác doanh nghiệp” hoặc “Cơ hội việc làm” cho SV trong mỗi khoa và toàn trường. Đây là một hoạt động tích cực cần được phát triển hơn nữa trong thời gian sắp tới. Việc hợp tác giữa Nhà trường - Doanh nghiệp cần được tổ chức lâu dài và thường niên, tránh làm theo kiểu mùa vụ. Để xây dựng mối quan hệ bền vững và

hiệu quả với các doanh nghiệp có thể bổ sung thêm những nội dung và hình thức hợp tác khác như: Nhà trường trực tiếp hoặc phối hợp với bên thứ ba thực hiện cung cấp các “gói” dịch vụ hỗ trợ công nghệ, chuyên gia công nghệ, đào tạo chuyên gia, tạo việc làm thêm cho SV tại doanh nghiệp theo hợp đồng hoặc theo đề nghị cụ thể cho từng trường hợp mục tiêu riêng biệt cụ thể của mỗi bên... Nếu chúng được triển khai nghiêm túc trên thực tiễn thì sẽ rất có lợi cho sự hợp tác giữa các trường đại học với doanh nghiệp [6].

Về phía doanh nghiệp, việc tham gia vào quá trình đào tạo như một hình thức đầu tư phát triển, sẽ hỗ trợ doanh nghiệp có thêm quyền và cơ hội lựa chọn các “sản phẩm” - lao động chất lượng cao, đáp ứng được yêu cầu, giảm bớt thời gian và chi phí đào tạo lại. Ngoài ra, doanh nghiệp còn có thêm cơ hội quảng bá hình ảnh của mình với xã hội.

Về phía Nhà trường, sự hợp tác sẽ góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, SV “có đầu ra” vững chắc hơn, nhất là góp phần phát hiện, phát triển và trọng dụng tài năng trẻ cho doanh nghiệp và đất nước, giảm thiểu được các tiêu cực và kém hiệu quả trong hoạt động giáo dục. Đồng thời, giúp nhà trường tăng tự chủ tài chính, cũng như sử dụng hiệu quả vốn đầu tư.

Về phía SV, sự hợp tác sẽ cho phép SV tự điều chỉnh nhận thức, nâng cao động lực và kiến thức, kỹ năng chuyên môn và thực tiễn cuộc sống, tăng cơ hội tìm việc và giảm thiểu những phí tổn học hành cả về tài chính, thời gian và tâm sức... Ngoài ra, bên cạnh cơ hội có được học bổng của doanh nghiệp tài trợ, khi có cơ sở tin cậy về triển vọng nơi làm việc và yêu cầu nghề nghiệp tương lai, rất có thể SV và gia đình sẽ tự nguyện tăng học phí và đầu tư nhiều, sâu, hiệu quả hơn cho các môn, trường học có uy tín và thương hiệu tốt mà họ lựa chọn. Đây cũng là cơ hội để Nhà trường có thể đưa ra các “gói dịch vụ” đào tạo khác nhau, đa dạng về nội dung, phương thức và công nghệ truyền tải, cũng như về mức học phí phù hợp với nhu cầu và năng lực của người học và người sử dụng lao động, từ đó cải thiện chất lượng đào tạo, cơ sở vật chất kỹ thuật và thu nhập tài chính, cũng như thương hiệu của Nhà trường.

Sự hợp tác giữa Nhà trường - Doanh nghiệp không thể diễn ra đơn phương, đơn điệu, đơn giản và nhất thời, lại càng không nên để chúng diễn ra một cách hạn hẹp, khô cứng, hình thức và tự phát, mà phải không ngừng mở rộng và đa dạng hóa cả về các đối tác, danh mục, nội dung, hình thức và tăng cường hoạt động xúc tiến hợp tác.

3. Kết luận

Nước ta đang trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế và phát triển mạnh về cơ sở hạ tầng cũng như đầu tư vào các ngành công nghiệp trong thời đại 4.0, đầu tư trực tiếp từ nước ngoài ngày càng tăng, đặt ra nhu cầu cấp thiết đối với phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt là đào tạo

đội ngũ lao động có trình độ, kiến thức, năng lực có thể đảm trách các vị trí mà xã hội đòi hỏi trong quá trình hội nhập về lĩnh vực kinh tế nói chung và lĩnh vực KTĐT nói riêng.

Với mục tiêu phát triển KT-XH của đất nước, định hướng về đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao của Chính phủ, của Bộ GD-ĐT, Trường ĐHSPKT Hưng Yên, để đưa ra một số giải pháp thiết thực nhằm nâng cao chất lượng công tác đào tạo cử nhân chuyên ngành KTĐT đáp ứng nhu cầu đòi hỏi của thị trường, định hướng ứng dụng của Nhà trường như đối với xây dựng chương trình đào tạo; Đối với đội ngũ GV; Đối với cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học và các yêu cầu đối với SV trước mắt và trong tương lai...

Đào tạo cử nhân chuyên ngành KTĐT là nhiệm vụ của các cơ sở đào tạo. Để cung cấp một lực lượng lao động chất lượng cao đòi hỏi phải có một quy trình đào tạo hoàn chỉnh, đó là vấn đề đặt ra cho Trường ĐHSPKT Hưng Yên nhằm khẳng định vị thế trong ngành GD-ĐT Việt Nam.

(Bài viết được sự hỗ trợ của TTUDKH&CN Trường ĐHSPKT Hưng Yên, đề tài mã số UTEHY T005 P1718.01)

Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Thị Bình (2011). *Vấn đề khoa học giáo dục và sự cần thiết phải thay đổi cách nghĩ, cách làm về giáo dục*. Tạp chí Quản lý giáo dục, số 22 (tháng 3/2011), tr 1-4.
- [2] Chính phủ (2011). *Chiến lược phát triển giáo dục 2011-2020*.
- [3] Vũ Cao Đàm (2007). *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*. NXB Giáo dục.
- [4] Nguyễn Vũ Bích Hiền (2012). *Các xu hướng phát triển chương trình đào tạo theo quan điểm lấy người học làm trung tâm*. Tạp chí Khoa học, số 57, tr 148-155.
- [5] Phạm Thị Huyền (2011). *Xây dựng chương trình đào tạo đại học theo định hướng mới nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội*. Hội thảo toàn quốc Giáo dục Đại học Việt Nam - Hội nhập Quốc tế. Trường Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.
- [6] Trịnh Thị Hoa Mai (2008). *Liên kết đào tạo giữa nhà trường đại học với doanh nghiệp ở Việt Nam*. Tạp chí Khoa học, Đại học Quốc gia Hà Nội, Kinh tế - Luật, số 24, tr 30-34.
- [7] Jon Wiles - Joseph Bondi (2005). *Xây dựng chương trình học* (Xuất bản lần thứ 6). NXB Giáo dục.
- [8] Nguyễn Tiến Cường - Nguyễn Quang Vinh (2014; 2015; 2016). *Những điều cần biết về tuyển sinh đại học, cao đẳng*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- [9] Võ Văn Thắng (2010). *Tiếp cận C-D-I-O để nâng cao chất lượng đào tạo đại học, cao đẳng ở Việt Nam*. Hội thảo xây dựng chuẩn đầu ra và triển khai chương trình đào tạo theo mô hình CDIO. Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.